



TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN
KHOA NGHỆ THUẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Kỹ thuật sản xuất MV âm nhạc
- Mã học phần: **ART306**
- Số tín chỉ: 2 (1/1/2) [A: số tín chỉ của HP, a: số tín chỉ lý thuyết, b: số tín chỉ thực hành/thực tập/ đồ án/ khóa luận:, $c = 2 \times a$: số tín chỉ tự học]
- Cấp đào tạo: Đại học
- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết/ Học phần trước:
- Đơn vị phụ trách: Khoa Nghệ thuật
- Số giờ tín chỉ: 2, trong đó:
- Lý thuyết: 1 (1 tín chỉ LT = 15 tiết)
- Thực hành: 1 (1 tín chỉ TH = 30 tiết)
- Thực tập: 0 (1 tín chỉ TT = 60 giờ TT tại cơ sở)
- Đồ án/ Khóa luận 0 (1 tín chỉ ĐA/KL = 45 giờ làm ĐA/KL)

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Hồ Duy Trường
- Chức danh, học vị: Phó trưởng khoa, thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Nghệ thuật - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0905979275
- Email: truonghd@vhu.edu.vn

Giảng viên 2:

- Họ và tên: Nông Văn Hiếu
- Chức danh, học vị: Giảng viên, thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Nghệ thuật - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0912381761
- Email: HieuNV@vhu.edu.vn

3. Tóm tắt nội dung học phần

- Giới thiệu về MV: Khái niệm, lịch sử phát triển của MV trong ngành công nghiệp âm nhạc, vai trò và tác động của MV đến thị trường âm nhạc hiện đại.

- Lên ý tưởng và kịch bản: Cách phát triển ý tưởng sáng tạo, viết kịch bản, tạo storyboard, và lên kế hoạch sản xuất dựa trên bài hát và thông điệp muốn truyền tải.
- Thiết kế sản xuất: Học cách lựa chọn địa điểm quay, thiết kế bối cảnh, trang phục, và hiệu ứng đặc biệt. Ngoài ra còn có phần lựa chọn diễn viên, vũ đạo, và các yếu tố khác để tạo nên một MV ấn tượng.
- Kỹ thuật quay phim: Giới thiệu về các thiết bị quay phim chuyên nghiệp, cách sử dụng camera, góc quay, ánh sáng, và kỹ thuật quay để thu được hình ảnh đẹp và ấn tượng nhất.
- Chỉ đạo nghệ thuật và sản xuất: Cách điều phối đoàn làm phim, quản lý thời gian và nguồn lực hiệu quả trong quá trình sản xuất.
- Biên tập và hậu kỳ: Kỹ thuật chỉnh sửa video, màu sắc, âm thanh, và thêm hiệu ứng hậu kỳ để hoàn thiện MV. Học cách sử dụng phần mềm chỉnh sửa video chuyên nghiệp.
- Phát hành và quảng bá MV: Chiến lược phát hành MV trên các nền tảng trực tuyến, cách thức quảng bá MV để đạt được lượng người xem cao và tạo ra sự ảnh hưởng trong cộng đồng mục tiêu.

4. Mục tiêu của học phần

- Hiểu biết về MV: Sinh viên sẽ có cái nhìn toàn diện về lịch sử, vai trò, và ảnh hưởng của MV trong ngành công nghiệp âm nhạc, cũng như cách thức mà MV được sử dụng như một công cụ quảng bá hiệu quả cho nghệ sĩ và sản phẩm âm nhạc.
- Khả năng sáng tạo và lập kế hoạch: Phát triển kỹ năng sáng tạo ý tưởng, viết kịch bản, và lập kế hoạch sản xuất chi tiết, giúp sinh viên có thể biến ý tưởng thành sản phẩm hoàn chỉnh.
- Kỹ năng kỹ thuật: Rèn luyện kỹ năng sử dụng thiết bị quay phim, ánh sáng, và phần mềm chỉnh sửa video, để sinh viên có thể tạo ra hình ảnh và âm thanh chất lượng cao cho MV của mình.
- Quản lý và điều phối sản xuất: Nâng cao khả năng quản lý dự án, bao gồm quản lý thời gian, nguồn lực, và làm việc nhóm, để đảm bảo quá trình sản xuất MV diễn ra suôn sẻ và hiệu quả.
- Kỹ năng phân tích và phê bình: Cải thiện khả năng phân tích và đánh giá MV dựa trên các tiêu chí về mặt nghệ thuật và thị trường, giúp sinh viên có cái nhìn sâu sắc hơn về công việc sản xuất MV.
- Chuyên môn hóa trong sản xuất MV: Trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng chuyên sâu trong lĩnh vực sản xuất MV, từ đó mở ra cơ hội nghề nghiệp trong ngành công nghiệp âm nhạc và giải trí.

- Thực hành và kinh nghiệm thực tế: Tạo cơ hội cho sinh viên áp dụng lý thuyết vào thực tế thông qua dự án cuối kỳ, giúp họ tích lũy kinh nghiệm và tự tin vào khả năng của bản thân khi bước vào thị trường lao động.

5. Chuẩn đầu ra của học phần:

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra (Bắt đầu bằng động từ theo thang Bloom)
Kiến thức	
CLO1	Hiểu rõ khái niệm, lịch sử, và vai trò của MV trong ngành công nghiệp âm nhạc và giải trí.
CLO2	Nắm vững các nguyên tắc và lý thuyết cơ bản trong việc sản xuất video, từ giai đoạn lên ý tưởng đến hậu kỳ.
Kỹ năng	
CLO3	Có khả năng phân tích, đánh giá, và phê bình MV dựa trên các tiêu chí về mặt nghệ thuật, kỹ thuật và thị trường.
CLO4	Khả năng sáng tạo ý tưởng, viết kịch bản, lập storyboard, và lên kế hoạch sản xuất chi tiết.
CLO5	kỹ năng sử dụng thiết bị quay phim chuyên nghiệp, ánh sáng, và phần mềm chỉnh sửa video để tạo ra hình ảnh và âm thanh chất lượng cao.
CLO6	Kỹ năng chỉnh sửa hậu kỳ, bao gồm cắt ghép, chỉnh màu, và thêm hiệu ứng, để hoàn thiện MV.
Mức độ tự chủ và trách nhiệm	
CLO7	Sinh viên cần chủ động tìm hiểu, nghiên cứu và áp dụng kiến thức từ giáo trình, bài giảng, và nguồn tài liệu khác. Môi trường học tập linh hoạt đòi hỏi sinh viên phải tự quản lý thời gian và tiến độ học tập của bản thân.
CLO8	Kỹ năng thực hành chiếm một phần quan trọng của học phần, yêu cầu sinh viên không chỉ học lý thuyết mà còn phải chủ động áp dụng vào thực tế qua các dự án nhóm hoặc cá nhân. Sinh viên cần tự lên kế hoạch, tổ chức, và thực hiện các buổi quay, chỉnh sửa, và hậu kỳ.

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra học phần

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12
CLO1	X	X					X		X	X		
CLO2	X				X	X					X	
CLO3			X							X		
CLO4				X								X

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12
CLO5					X	X	X		X			
CLO6	X		X				X	X			X	
CLO7			X									
CLO8	X	X	X		X				X			

Ghi chú: *PLOs (Programme Learning Outcomes): Chuẩn đầu ra cấp CTĐT*

CLOs (Course Learning Outcomes): Chuẩn đầu ra học phần

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung	Đáp ứng CLOs
Chương 1	Giới thiệu về MV	CLO2, CLO5
1.1.	Lịch sử phát triển của MV	
1.2.	Vai trò và tầm quan trọng của MV trong ngành công nghiệp âm nhạc	
1.3.	Các loại MV và đặc điểm	
Chương 2	Lên ý tưởng và Kịch bản	CLO1, CLO3, CLO4
2.1.	Cách tạo ý tưởng sáng tạo cho MV	
2.2.	Kỹ thuật viết kịch bản và lập storyboard.	
2.3.	Phân tích bài hát và tạo thông điệp	
Chương 3	Thiết kế Sản xuất	CLO2, CLO3, CLO6
3.1.	Lựa chọn địa điểm quay và thiết kế bối cảnh	
3.2.	Lựa chọn diễn viên và vũ đạo.	
Chương 4	Kỹ thuật Quay phim	CLO5, CLO6, CLO8
4.1.	Góc quay và kỹ thuật quay phim	
4.2.	Ánh sáng và hiệu ứng đặc biệt	
4.3.	Các thiết bị quay phim và ống kính	
Chương 5	Chỉ đạo Nghệ thuật và Sản xuất	CLO2, CLO3, CLO7
5.1.	Quản lý và điều phối đoàn làm phim	
5.2.	Làm việc với diễn viên và ekip hậu kỳ.	
5.3.	Đảm bảo chất lượng sản phẩm.	
Chương 6	Biên tập và Hậu kỳ	CLO1, CLO5,

Chương	Nội dung	Đáp ứng CLOs
		CLO6
6.1.	Các phần mềm chỉnh sửa video phổ biến	
6.2.	Kỹ thuật cắt ghép và chỉnh sửa video	
6.3	Chỉnh sửa âm thanh và thêm hiệu ứng	
Chương 7	Phân tích và Đánh giá MV	CLO3, CLO4, CLO7
7.1.	Cách đánh giá và phân tích MV	
7.2.	Nhận xét và phê bình MV một cách chuyên nghiệp.	
7.3.	Học từ các MV thành công và thất bại.	

6.2. Thực hành

	Nội dung	Đáp ứng CLOs
6.2.1.	Bài tập cá nhân	CLO3, CLO4, CLO7
	- Chọn một MV và phân tích các yếu tố như kịch bản, quay phim, chỉnh sửa, và cách thể hiện thông điệp qua hình ảnh và âm nhạc. - Phát triển khả năng phân tích và đánh giá, cũng như hiểu được cách các yếu tố kỹ thuật và nghệ thuật được kết hợp trong sản xuất MV.	
6.2.2.	Bài tập nhóm	CLO5, CLO6, CLO7
	- Nhóm chọn một bài hát và phụ trách toàn bộ quy trình sản xuất MV từ lên ý tưởng, viết kịch bản, lập kế hoạch sản xuất, quay phim, chỉnh sửa, đến phát hành MV. - Thực hành toàn bộ quy trình sản xuất MV, phát triển kỹ năng làm việc nhóm và giải quyết vấn đề.	-

7. Phân bổ thời gian theo tiết và điều kiện thực hiện:

Chương	Tên chương	Số tiết tín chỉ					Ghi chú
		Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Tự học	Tổng	
1	Giới thiệu về MV	2	1	2	2	7	
2	Lên ý tưởng và Kịch bản	2	1	3	3	9	
3	Thiết kế Sản xuất	2	1	5	5	13	

Chương	Tên chương	Số tiết tín chỉ					Ghi chú
		Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Tự học	Tổng	
4	Kỹ thuật Quay phim	2	1	5	5	13	
5	Chỉ đạo Nghệ thuật và Sản xuất	2	2	5	5	14	
6	Biên tập và Hậu kỳ	3	2	5	5	15	
7	Phân tích và Đánh giá MV	2	2	5	5	14	
Tổng		15	10	30	30		

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ TIÊU LUẬN

1. Thảo luận về các xu hướng hiện nay trong sản xuất MV, bao gồm kỹ thuật quay phim, chỉnh sửa.
2. Phân tích ảnh hưởng của công nghệ đến quá trình sáng tạo và trải nghiệm của người xem.

8. Phương pháp giảng dạy:

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Lý thuyết áp dụng với thực hành
- Phân tích MV mẫu.
- Giao bài đọc về nhà
- Hướng dẫn tự học
- Thảo luận nhóm

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
Lý thuyết áp dụng với thực hành	X	X			X					X		
Phân tích MV mẫu.	X						X		X			
Giao bài đọc về nhà			X					X				
Hướng dẫn tự học				X						X	X	
Thảo luận nhóm					X	X		X			X	X

9. Phương pháp học tập

Sinh viên học tập với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thực hành
- Làm việc nhóm
- Tự học, tự nghiên cứu
- Tham gia workshop

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp học tập

Phương pháp học tập	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
Thực hành	X	X								X		X
Làm việc nhóm	X					X		X				
Tự học, tự nghiên cứu			X		X		X			X		
Tham gia workshop	X			X						X	X	

10. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc và bổ trợ do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài tập nhóm.
- Tham gia kỳ thi kết thúc học phần.

11. Thang điểm đánh giá: Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

12. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

1. *Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40% bao gồm:*
 - a. Điểm chuyên cần: 2/10, trọng số 8%.
 - b. Điểm kiểm tra thường xuyên: 3/10, trọng số 12%.
 - c. Điểm kiểm tra giữa kỳ: 5/10, trọng số 20%.
2. *Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60%*

Hình thức thi: bài tập lớn

Ma trận quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và phương pháp kiểm tra, đánh giá

Hình thức đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
Kiểm tra	X	X			X		X		X		X	
Bài tập lớn	X		X			X	X		X			X

13. Tài liệu phục vụ cho học phần (các tài liệu xuất bản trong 05 năm trở lại đây và cung cấp được cho Trung tâm Học liệu nơi đặt tài liệu)

13.1. Tài liệu chính

- Nguyễn Kim Cương – Nguyễn Hạnh Lê, Tổ chức và công nghệ sản xuất phim, NXB Chính trị Quốc gia.

13.2. Tài liệu tham khảo

- Phạm Thanh Hà, Quay phim điện ảnh và truyền hình, NXB Chính trị Quốc gia.
- Trần Luân Kim, Phương pháp phê bình điện ảnh, NXB Văn học & Trường ĐH Sân khấu điện ảnh Hà Nội.

TP.Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm

Hiệu trưởng
Duyệt

Trưởng Bộ môn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giảng viên biên soạn
(Ký và ghi rõ họ tên)